

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 5 - 2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình

Các Hội Thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hương;
Bà Mai Thị Huyền Trang.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Lê Muộn
- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2022/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2022 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST –HNGĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2022/QĐST-HPT, ngày 09 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST-HPT, ngày 16 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, Sinh năm 1969 – Có mặt
Địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện N1, tỉnh Ninh Thuận

Bị đơn: Bà Đinh Thị Thu T, Sinh năm 1977 – Vắng mặt
Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:*

Về hôn nhân: Ông với bà Đinh Thị Thu T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau 2021, có đến Ủy ban nhân dân xã M, huyện N1 làm thủ đăng ký kết hôn vào năm 2021.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng đến tháng 12/2021 thì giữa ông với bà T xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông bị bệnh nên không làm

ra được tiền, vì vậy giữa ông với bà T hay xảy ra cãi nhau về vấn đề tiền bạc, bà T thường xuyên bỏ nhà ra đi, từ đó giữa ông với bà T không có tiếng nói chung trong cuộc sống, mâu thuẫn kéo dài cho đến nay thì trầm trọng, hiện ông với bà Đinh Thị Thu T đã sống ly thân từ 12/2021 cho đến nay.

Nay ông xét thấy không còn tình cảm với bà Đinh Thị Thu T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Đinh Thị Thu T.

Hiện bà Đinh Thị Thu T không mang thai hay nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi.

Về con chung: Ông với bà Đinh Thị Thu T sống với nhau không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn bà Đinh Thị Thu T vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng:*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử (Hội đồng xét xử được viết tắt là HĐXX). Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi HĐXX nghị án, đều đảm bảo đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B. Ông Nguyễn Văn B được ly hôn với bà Đinh Thị Thu T. Buộc ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án này, HĐXX xác định: Quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn hiện đang cư trú tại thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa hôm nay bà Đinh Thị Thu T vắng mặt không có lý do, mặc dù Tòa án đã tổng đạt

hợp lệ các văn bản tố tụng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà Đinh Thị Thu T.

[3]. Nội dung vụ án:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa xác định được ông Nguyễn Văn B và bà Đinh Thị Thu T kết hôn năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện N1 theo giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 06-7-2021. Do đó, hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn B và bà Đinh Thị Thu T là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Văn B vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn bà Đinh Thị Thu T, vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gay gắt, trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm nhau từ tháng 12 năm 2021 đến nay, tình cảm vợ chồng đã hết. Vì vậy, ông yêu cầu được ly hôn với bà Đinh Thị Thu T. Đối với bị đơn bà Đinh Thị Thu T dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, các văn bản tố tụng nhiều lần theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn cố tình không đến. Bị đơn bà Đinh Thị Thu T vắng mặt xem như từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, chứng tỏ yêu cầu khởi kiện ly hôn và lời khai của ông Nguyễn Văn B là có căn cứ. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn B và bà Đinh Thị Thu T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng đã hết, hiện đã sống không quan tâm đến nhau, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn B là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2]. Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xét đến.

[3.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ.

[5]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xử lý về án phí là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn” của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B. Ông Nguyễn Văn B được ly hôn với bà Đinh Thị Thu T.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Tòa án ông Nguyễn Văn B đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002347 ngày 23-02-2022 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Ông Nguyễn Văn B đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã M, huyện N1 (để biết);
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Bình